

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2017- 2018
LỚP: TC. VSL 17

STT	Họ và tên	Năm sinh	2	3	2	1	3	2	3	2	6	19	Xếp loại	Xếp loại	Ghi chú
			GDTC	QPAN	CT	PL	AV	TH	VE	AT	TOÁN CD	TB	học lực	rèn luyện	
									KT	ĐL		Học kì			
1	Hà Thế An	12/7/2001	8.5	6.8	5.0	4.0	6.1	7.5	1.8	5.2	6.0	5.2	Trung Bình	Khá	*
2	Hoàng Ngọc Duy	26/02/2002	9.2	7.3	4.6	3.5	5.8	6.6	1.2	5.3	5.2	4.7	Yếu	Trung bình	*
3	Trần Hải Đăng	26/12/2002	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Kém	Yếu	*
4	Đình Hải Đăng	09/4/2002	6.4	6.7	4.1	4.2	5.6	7.6	5.8	6.4	4.9	5.5	Trung Bình	Khá	*
5	Quách Phát Đạt	25/01/2002	8.9	8.0	7.1	7.2	5.2	7.1	5.8	7.6	6.1	6.3	TB Khá	Xuất sắc	
6	Nguyễn Hoài Hận	11/11/2001	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Kém	Yếu	*
7	Tạ Anh Hào	22/5/2002	6.8	6.8	5.8	5.0	7.7	8.6	4.9	6.3	5.8	6.3	TB Khá	Tốt	*
8	Lê Hoàng Hào	04/4/2002	9.9	7.6	6.6	7.1	7.5	8.0	6.1	7.2	6.0	6.7	TB Khá	Xuất sắc	
9	Lê Thanh Hậu	24/8/2001	4.4	7.7	5.5	2.3	6.5	8.9	5.5	6.4	5.3	5.9	Trung Bình	Khá	*
10	Nguyễn Chí Hiếu	02/01/2000	7.3	5.9	5.0	4.6	5.3	7.0	5.5	1.0	4.8	4.8	Yếu	Trung bình	*
11	Thạch Khánh Hưng	24/6/2001	8.8	6.7	6.0	4.1	6.5	6.7	5.4	5.7	5.8	5.9	Trung Bình	Khá	*
12	Châu Chí Hường	16/10/1998	8.7	8.0	6.2	4.5	5.5	6.1	0.4	7.2	4.3	4.6	Yếu	Trung bình	*
13	La Huy Hoàng	14/11/2002	6.2	0.0	3.9	4.2	1.0	6.7	4.6	5.9	4.6	4.3	Yếu	Trung bình	*
14	Trần Quốc Kha	19/9/2002	0.0	0.0	0.0	0.0	2.9	0.0	0.0	0.0	0.0	0.5	Kém	Yếu	*
15	Dương Thiết Khang	02/5/2002	9.6	7.1	6.0	3.7	6.9	6.0	5.1	6.3	6.2	6.0	TB Khá	Tốt	*
16	Nguyễn Duy Khánh	05/01/2002	8.3	6.4	4.1	3.8	6.5	7.7	5.0	5.9	3.6	5.0	Trung Bình	Trung bình	*
17	Nguyễn Hải Khanh	29/6/2001	5.0	5.9	5.9	3.6	4.9	5.4	4.3	5.2	5.4	5.1	Trung Bình	Trung bình	*
18	Nguyễn Thành Lễ	15/12/2001	9.9	6.5	5.6	4.1	6.2	6.3	4.4	5.5	3.9	5.0	Trung Bình	Khá	*
19	Lê Duy Linh	05/02/2000	8.0	7.0	5.2	5.0	4.9	2.0	5.0	6.9	3.6	4.4	Yếu	Trung bình	*
20	Nguyễn Trung Nguyên	29/3/2002	2.0	6.7	6.4	6.5	6.1	7.7	5.2	7.0	3.9	5.6	Trung Bình	Khá	*
21	Vưu Thanh Nhân	22/11/2001	6.2	8.0	6.2	4.7	4.9	7.8	5.9	7.1	5.5	5.9	Trung Bình	Khá	*
22	Huỳnh Khải Nhi	19/01/2002	8.7	5.0	5.1	5.3	4.7	8.2	0.4	6.2	5.7	4.9	Yếu	Khá	*

23	Nguyễn Văn Thế	Phục	12/01/2002	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Kém	Yếu	*
24	Phạm Hoàng	Phụng	01/01/2002	6.9	6.2	5.5	3.5	4.1	6.4	1.3	6.5	5.1	4.6	Yếu	Trung bình	*
25	Nguyễn Vũ	Quan	09/7/1996	9.9	6.9	5.4	5.4	6.7	5.6	4.6	7.0	5.5	5.7	Trung Bình	Khá	*
26	Huỳnh Thanh	Tâm	27/9/2002	4.4	6.0	5.6	5.3	5.7	2.4	1.2	0.3	2.2	2.9	Kém	Trung bình	*
27	Trần Nhựt	Tâm	28/10/2002	8.6	7.2	5.3	4.3	6.0	7.8	4.1	6.0	0.8	4.1	Yếu	Trung bình	*
28	Trịnh Quốc	Thuận	06/10/2001	4.4	7.6	5.6	6.8	7.0	7.9	4.8	6.3	5.9	6.2	TB Khá	Khá	*
29	Lê Thanh	Trường	08/6/2002	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Kém	Yếu	*
30	Phạm Sơn	Tùng	09/01/2000	8.8	7.7	5.3	5.8	6.1	7.8	1.4	6.8	5.1	5.2	Trung Bình	Xuất sắc	*
31	Phan Trung	Vĩnh	30/12/2000	8.8	7.0	6.0	7.0	7.1	8.5	6.8	7.3	5.5	6.6	TB Khá	Xuất sắc	
32	Võ Văn	Út	18/03/2000	9.2	7.6	6.2	5.4	5.0	8.4	4.6	6.3	6.0	5.9	Trung Bình	Khá	*

Chú ý: (*) học sinh có ít nhất 01 môn thi lại trong học kỳ không được xét khen thưởng

Kết quả học tập:	32 hs		
Xuất sắc	0 hs	Chiếm	0.0%
Giỏi	0 hs	Chiếm	0.0%
Khá	0 hs	Chiếm	0.0%
Trung bình khá	6 hs	Chiếm	18.8%
Trung bình	12 hs	Chiếm	37.4%
Yếu	8 hs	Chiếm	25.0%
Kém	6 hs	Chiếm	18.8%

Người lập biểu



Hoàng Thị Nguyệt

Bạc Liêu, ngày 15 tháng 4 năm 2018

Phòng Đào Tạo



Phạm Văn Anh